CÔNG TY TNHH
QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU
TƯ CHỨNG KHOÁN
VIETCOMBANK

Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Đại diện Quỹ	3
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ	4 - 13
Báo cáo của Ngân hàng Giám sát	14
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ	15 - 16
Báo cáo thu nhập giữa niên độ	17
Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ	18 - 19
Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ	20
Báo cáo danh mục đầu tư	21 - 22
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	23 - 24
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	25 - 56

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

THÔNG TIN CHUNG

QUỸ

Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF ("Quỹ") được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 152/GCN-UBCK ngày 24 tháng 8 năm 2021 và Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 48/GCN-UBCK ngày 2 tháng 12 năm 2021 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Tổng số chứng chỉ quỹ đã phân phối lần đầu là 15.299.243,34 chứng chỉ với tổng giá trị là 152.992.433.400 đồng, chiếm 305,98% tổng số chứng chỉ quỹ dự kiến chào bán là 5.000.000 chứng chỉ quỹ với mệnh giá là 10.000 VNĐ/đơn vị quỹ. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào Quỹ là 404.044.313.600 đồng, tương đương với 40.404.431,36 chứng chỉ quỹ.

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là tăng trưởng tài sản đầu tư trong trung và dài hạn thông qua phân bổ tỷ trọng đa số vào các cổ phiếu của các công ty có vốn hóa vừa và có tiềm năng tăng trưởng cao.

Địa chỉ liên hệ của Quỹ: Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank, Tầng 15, Tòa nhà Vietcombank, 198 Trần Quang Khải, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Quỹ không có nhân viên và được quản lý bởi Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank ("Công ty Quản lý Quỹ").

NGÂN HÀNG GIÁM SÁT VÀ LƯU KÝ

Ngân hàng Giám sát và Lưu ký của Quỹ là Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam). Ngân hàng Giám sát và Lưu ký được chỉ định bởi Đại hội Nhà đầu tư, thực hiện lưu ký chứng khoán, lưu trữ các hợp đồng kinh tế và ghi nhận tài sản của Quỹ cũng như giám sát hoạt động của Quỹ. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát và Lưu ký được quy định tại Điều lệ Quỹ.

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Công ty Quản lý Quỹ được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 06/UBCK-GPHĐQLQ ngày 2 tháng 12 năm 2005 và các giấy phép điều chỉnh do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, lần điều chỉnh gần nhất là Giấy phép điều chỉnh số 28/GPĐC-UBCK ngày 25 tháng 4 năm 2023. Công ty Quản lý Quỹ được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0101842669 lần gần nhất vào ngày 11 tháng 7 năm 2024 (đăng ký lần đầu ngày 2 tháng 12 năm 2005), và là đại diện theo ủy quyền của Quỹ, thay mặt cho Quỹ để thực hiện quyền sở hữu đối với tài sản của Quỹ một cách trung thực và cẩn trọng. Công ty Quản lý Quỹ tuân thủ các quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty Quản lý Quỹ, thực hiện việc quản lý tài sản của Quỹ theo quy định tại Điều lệ Quỹ, tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tự nguyện, công bằng, trung thực và vì lợi ích cao nhất của Quỹ.

BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Các thành viên Ban Đại diện Quỹ trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	*Chức vụ*	*Ngày bổ nhiệm*
Ông Mạc Quang Huy	Chủ tịch, thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 2 tháng 12 năm 2021
Bà Nguyễn Thị Thủy	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 2 tháng 12 năm 2021
Bà Vũ Ngọc Quỳnh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 11 năm 2023

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Quản lý Quỹ trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	*Chức vụ*	*Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm*
Bà Nguyễn Thị Hằng Nga	Tổng Giám đốc Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank – Công ty Quản lý Quỹ	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 4 năm 2024
Ông Vũ Quang Đông	Tổng Giám đốc Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank – Công ty Quản lý Quỹ	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 7 năm 2017 Miễn nhiệm ngày 17 tháng 4 năm 2024

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Quỹ.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

BÁO CÁO CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Ban Đại diện Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF ("Quỹ") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank ("Công ty Quản lý Quỹ"), với tư cách là công ty quản lý quỹ của Quỹ, chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ và danh mục đầu tư tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả thu nhập giữa niên độ, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Quỹ trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Quỹ có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Quỹ sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính giữa niên độ của Quỹ, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Quỹ và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Theo đó, chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm, trên cơ sở cam kết của Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ. Báo cáo tài chính giữa niên độ này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ và danh mục đầu tư của Quỹ tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả thu nhập giữa niên độ, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở.

Thay mặt Ban Đại diện Quỹ:

Ông Mạc Quang Huy
Chủ tịch

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2024

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ

1. Mục tiêu của Quỹ

Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF ("Quỹ") được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 152/GCN-UBCK ngày 24 tháng 8 năm 2021 và Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 48/GCN-UBCK ngày 2 tháng 12 năm 2021 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Mục tiêu đầu tư của Quỹ chủ yếu là tăng trưởng tài sản đầu tư trong trung và dài hạn thông qua phân bổ tỷ trọng đa số vào các cổ phiếu của các công ty có vốn hóa vừa và có tiềm năng tăng trưởng cao.

2. Hiệu quả hoạt động của Quỹ

Theo báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ đã được soát xét, tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2024, thay đổi giá trị tài sản ròng (NAV)/1 đơn vị quỹ của Quỹ và thay đổi của chỉ số tham chiếu lần lượt là 16,86% và 11,10% so với ngày 31 tháng 12 năm 2023.

3. Chiến lược đầu tư của Quỹ

Quỹ sẽ tuân thủ một chiến lược đầu tư có kỷ luật nhằm đạt được mục tiêu đầu tư của Quỹ và sẽ đầu tư vào một danh mục đa dạng các cổ phiếu thỏa mãn các điều kiện về Phân bổ tài sản nhằm giảm thiểu rủi ro cho Quỹ. Các cổ phiếu có vốn hóa vừa thường có đặc thù là thanh khoản thấp. Quỹ sẽ cân nhắc kỹ lưỡng rủi ro này trong lựa chọn cổ phiếu và mức chiết khấu cần thiết với các cổ phiếu có thanh khoản thấp. Công ty có vốn hóa vừa được định nghĩa là công ty có vốn hóa nằm trong phạm vi vốn hóa của các cổ phiếu trong rổ chỉ số VNMIDCAP.

Tỷ trọng phân bổ tài sản của Quỹ như sau:

Loại hình đầu tư	*Mức độ rủi ro*	*Tỷ trọng trong giá trị tài sản ròng (NAV)*
Cổ phiếu của công ty có vốn hóa vừa và có tiềm năng tăng trưởng cao	Cao	Tỷ trọng đa số
Trái phiếu	Thấp	Hầu như không có Tuy nhiên, Quỹ có thể xem xét đầu tư các trái phiếu phát sinh từ việc thực hiện quyền mua của các cổ phiếu nắm giữ với tỷ trọng tối đa 10% tổng tài sản của Quỹ.
Tiền	Gần như không có rủi ro	Phần tiền chưa đầu tư

4. Phân loại Quỹ

Quỹ được tổ chức dưới hình thức quỹ mở theo quy định của Thông tư số 98/2020/TT-BTC ("Thông tư 98") ngày 16 tháng 11 năm 2020 hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành.

5. **Thời gian khuyến nghị đầu tư của Quỹ:** Trung đến dài hạn

6. **Mức độ rủi ro ngắn hạn (thấp, trung bình, cao):** Cao

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ (tiếp theo)

7. Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ

Quỹ bắt đầu hoạt động từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 48/GCN-UBCK ngày 2 tháng 12 năm 2021 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

8. Quy mô Quỹ tại thời điểm báo cáo

Tổng giá trị tài sản ròng: 500.767.150.832 Việt Nam đồng.

Số lượng chứng chỉ quỹ: 40.404.431,36 chứng chỉ quỹ.

9. Lợi nhuận tham chiếu của Quỹ

Lợi nhuận tham chiếu của Quỹ là thay đổi của chỉ số VNMIDCAP.

10. Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ

Việc phân phối lợi nhuận của Quỹ cho Nhà đầu tư sẽ do Đại hội Nhà Đầu tư hoặc Ban Đại diện Quỹ quyết định phù hợp với các quy định tại Điều lệ Quỹ theo đề xuất của Công ty Quản lý Quỹ trên cơ sở các báo cáo tài chính đã kiểm toán xác nhận có đủ lợi nhuận để phân phối.

Công ty Quản lý Quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật trước khi phân phối lợi nhuận cho Nhà đầu tư.

Lợi nhuận của Quỹ sẽ không được phân phối nếu sau khi phân phối:

- Quỹ không đủ khả năng tài chính để hoàn thành các nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính, nghĩa vụ tài sản, các khoản nợ đến hạn theo quy định của pháp luật; hoặc
- Giá trị tài sản ròng của Quỹ dưới mức tối thiểu theo quy định của pháp luật.

11. Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị quỹ

Trong kỳ, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận.

II. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG

1. Phân bổ tài sản quỹ

Phân bổ tài sản quỹ	*Ngày 30 tháng 6 năm 2024 (%)*	*Ngày 30 tháng 6 năm 2023 (%)*	*Ngày 30 tháng 6 năm 2022 (%)*
Danh mục cổ phiếu	91,05	97,40	91,03
Tài sản khác	8,95	2,60	8,97
Tổng cộng	**100,00**	**100,00**	**100,00**

II. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

2. Chi tiết chỉ tiêu hoạt động

STT	Chỉ tiêu	*Ngày 30 tháng 6 năm 2024*	*Ngày 30 tháng 6 năm 2023*	*Ngày 30 tháng 6 năm 2022*
1	Giá trị tài sản ròng của Quỹ (VNĐ)	500.767.150.832	297.489.465.924	261.707.453.027
2	Tổng số chứng chỉ quỹ ("CCQ") đang lưu hành	40.404.431,36	30.596.108,38	27.848.226,89
3	Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ	12.393,86	9.723,11	9.397,63
4	Giá trị tài sản ròng cao nhất trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ báo cáo	12.823,33	9.852,25	10.754,48
5	Giá trị tài sản ròng thấp nhất trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ báo cáo	10.605,26	8.034,19	8.984,13
6	Giá cuối ngày trên 1 đơn vị quỹ tại ngày báo cáo *(a)*	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
7	Giá cuối ngày cao nhất trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ báo cáo *(a)*	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
8	Giá cuối ngày thấp nhất trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ báo cáo *(a)*	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
9	Tổng tăng trưởng (%)/1 đơn vị quỹ *(b)*	16,86	20,97	-6,02
9.1	*Tăng trưởng vốn (%)/1 đơn vị quỹ (Thay đổi do biến động giá) (b)*	*17,06*	*20,34*	*-5,96*
9.2	*Tăng trưởng thu nhập (%)/1 đơn vị quỹ (Tính trên thu nhập đã thực hiện) (b)*	*-0,20*	*0,63*	*-0,06*
10	Phân phối gộp trên 1 đơn vị quỹ *(c)*	-	-	-
11	Phân phối ròng trên 1 đơn vị quỹ *(c)*	-	-	-
12	Ngày chốt quyền (Ex-date of distribution) *(c)*	-	-	-
13	Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ (%)	2,35	2,38	2,63
14	Tốc độ vòng quay danh mục (%)	26,32	4,73	100,96

(a) Chứng chỉ quỹ của Quỹ không được niêm yết trên thị trường chứng khoán.

(b) Phần phân tách tăng trưởng/1 đơn vị quỹ thành tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị quỹ và tăng trưởng vốn/1 đơn vị quỹ chỉ mang tính tương đối.

(c) Quỹ chưa phân phối lợi nhuận.

II. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

3. Tăng trưởng qua các thời kỳ

Giai đoạn	*Tăng trưởng của giá trị tài sản ròng của Quỹ trên một đơn vị quỹ (%)*	*Lợi nhuận tham chiếu của Quỹ (%)*
6 tháng (từ 01/01/2024 đến 30/6/2024)	16,86	11,10
1 năm (từ 30/6/2023 đến 30/6/2024)	27,47	30,34
Từ khi thành lập	23,94	-7,65
Từ khi thành lập (bình quân năm)	8,68	-3,04

4. Tăng trưởng hàng năm

Chỉ tiêu	*Từ đầu năm đến ngày 30 tháng 6 năm 2024 (%)*	*Năm 2023 (%)*	*Năm 2022 (%)*
Tăng trưởng của giá trị tài sản ròng của Quỹ/1 đơn vị quỹ	16,86	31,95	-20,18

III. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG KỲ

1. Kinh tế vĩ mô

Nền kinh tế đã tăng tốc và phục hồi ấn tượng với mức tăng trưởng GDP đạt 6,93% trong quý 2 và 6,42% trong nửa đầu năm 2024, so với cùng kỳ, vượt kỳ vọng của thị trường. Khả năng đạt mục tiêu tăng trưởng GDP cả năm của Chính phủ ở mức 6,0-6,5% hiện đã rõ ràng hơn:

- Trong khu vực công nghiệp và xây dựng (đóng góp 36,4% GDP, tăng 7,5%, cùng kỳ năm 2023 chỉ tăng 1,1%), ngành công nghiệp chế biến, chế tạo vẫn là động lực tăng trưởng chính khi tăng tới 8,7% trong nửa đầu năm 2024, so với mức tăng chỉ 0,4% trong nửa đầu năm 2023. Ngành xây dựng tăng 7,3% (2023: 6,3%), ngành khai khoáng tiếp tục suy yếu xuống mức -7,2% từ mức -1,4% của năm ngoái do sản lượng khai thác dầu thô và khí tự nhiên giảm.
- Khu vực dịch vụ (43,4% GDP) vẫn tiếp tục đà phục hồi, tăng 7,1% so với cùng kỳ trong quý 2 và 6,6% so với cùng kỳ trong 6 tháng 2024, đóng góp 49,8% vào tổng mức tăng trưởng GDP.
- Khu vực nông, lâm ngư nghiệp (11,6% GDP) tăng 3,4% so với cùng kỳ và đóng góp 6,0% vào tổng mức tăng trưởng GDP.
- Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng theo giá hiện hành trong quý 2 tăng 1,2% so với quý trước và 8,6% so với cùng kỳ trong 6 tháng 2024.
- Chỉ số PMI tăng mạnh lên 54,7 điểm trong tháng 6 với sự gia tăng đáng kể cả về sản lượng và số lượng đơn đặt hàng mới, tăng trưởng với tốc độ nhanh nhất kể từ khi chỉ số PMI bắt đầu được áp dụng vào năm 2011.
- Xuất khẩu ghi nhận số lượng đơn đặt hàng cao hơn, tăng 5,4% so với quý trước và 14,9% so với cùng kỳ trong 6 tháng đầu năm 2024, hầu hết các nhóm hàng đều tăng trưởng tốt, dẫn đầu là máy ảnh (tăng 50,7% so với cùng kỳ), máy tính và thiết bị điện tử (tăng 31,5% so với cùng kỳ) và hàng nông sản (tăng 25,6% so với cùng kỳ).
- Lạm phát đã tăng lên 1,4% so với đầu năm và 4,4% so với cùng kỳ trong quý 2 từ mức tăng 1,1% từ đầu năm và 3,8% so với cùng kỳ trong quý 1, chủ yếu do giá thực phẩm tăng (đặc biệt là giá gạo và giá thịt lợn) kết hợp với tăng giá nhà ở và giá điện. Tuy nhiên lạm phát được đánh giá vẫn sẽ nằm trong khoảng 4,0-4,5% được Chính phủ đề ra từ đầu năm.

VNĐ tiếp tục giảm gần 2,0% so với USD trong tháng 4 và dần ổn định trong thời gian còn lại của quý 2 nhờ các biện pháp điều hành của NHNN. Tính đến hết quý 2, VNĐ giảm 4,3% so với USD từ đầu năm và giảm 7,3% so với cùng kỳ năm trước. Áp lực lên VNĐ vẫn sẽ còn tiếp tục khi chênh lệch lãi suất giữa USD và VNĐ vẫn còn âm. Các chính sách của NHNN được hỗ trợ bởi dòng vốn FDI tốt (giải ngân 10,8 tỷ USD trong 6 tháng đầu năm), cán cân thương mại (11,8 tỷ USD) ở mức cao cũng như thâm hụt thương mại dịch vụ giữ ở mức 4,9 tỷ USD.

III. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG KỲ (tiếp theo)

2. Thị trường cổ phiếu

Thị trường chứng khoán Việt Nam có khởi đầu thuận lợi trong năm 2024 khi VN-Index tăng trưởng ấn tượng 13,6% trong quý 1/2024. Điều này được thúc đẩy bởi các yếu tố thuận lợi trong nước và toàn cầu. Trong nước, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tiếp tục chính sách tiền tệ hỗ trợ tăng trưởng, mặt bằng lãi suất huy động duy trì ở mức rất thấp từ 4,7% đến 5,5% cho kỳ hạn 12 tháng, khiến kênh đầu tư cổ phiếu trở nên hấp dẫn hơn. Các ngân hàng thương mại hạ mạnh lãi suất cho vay để thu hút khách hàng chất lượng, thúc đẩy tiêu dùng và đầu tư. Kinh tế phục hồi và triển vọng lợi nhuận doanh nghiệp được cải thiện cũng góp phần tạo nên tâm lý lạc quan cho thị trường. Hơn nữa, những nỗ lực của Chính phủ nhằm nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam lên thị trường mới nổi và các yếu tố toàn cầu thuận lợi hơn, như kỳ vọng về việc cắt giảm lãi suất của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ, đã làm tăng thêm sự lạc quan của nhà đầu tư.

Tuy nhiên, sang quý 2/2024 chỉ số VN-Index trải qua nhiều biến động và giảm 3,0% so với quý trước. Các yếu tố chính dẫn đến sự điều chỉnh này có thể kể đến tin đồn về thay đổi nhân sự lãnh đạo cấp cao, lo ngại về tỷ giá hối đoái tăng và mặt bằng lãi suất tăng trở lại từ mức rất thấp, hoạt động bán ròng mạnh của nhà đầu tư nước ngoài, cùng với các chỉ số thị trường chứng khoán toàn cầu sụt giảm. Tuy vậy với kết quả tích cực của quý 1, chỉ số VNIndex vẫn tăng 10,2% sau nửa đầu năm.

Tổng giá trị giao dịch trung bình hàng ngày (ADTV) của HSX, HNX và Upcom đạt 972,6,5 triệu USD trong nửa đầu năm 2024, tăng 68,1% so với cùng kỳ năm trước. Môi trường lãi suất thấp và kinh tế vĩ mô cải thiện đã hỗ trợ tâm lý nhà đầu tư cá nhân, thúc đẩy hoạt động giao dịch. Nhiều công ty môi giới chứng khoán đã tăng vốn chủ sở hữu để mở rộng khả năng cho vay ký quỹ và giảm hay thậm chí miễn phí giao dịch để giành thị phần. Điều này đã khuyến khích giao dịch từ các nhà đầu tư cá nhân, vốn chiếm hơn 90% tổng giá trị giao dịch của thị trường.

Trong quý 2 năm 2024, nhà đầu tư nước ngoài gia tăng bán ròng, với giá trị bán ròng lên tới 1,6 tỷ USD, nâng tổng mức bán ròng trong nửa đầu năm lên 2,1 tỷ USD. Các nhà đầu tư nước ngoài cũng bán ròng tại các thị trường khác trong khu vực như Thái Lan, Philippines và Indonesia.

Trong nửa đầu năm 2024, ngành có hiệu suất tốt nhất là Công nghệ Thông tin (+53,2%), chủ yếu dẫn dắt bởi cổ phiếu Tập đoàn FPT (HSX: FPT) với mức tăng 57,2% nhờ thành tích vượt trội trong việc mang lại tăng trưởng lợi nhuận bền vững và tâm lý tích cực từ dự án hợp tác với NVIDIA. Ngành hàng tiêu dùng không thiết yếu cũng tăng trưởng nổi bật, đạt mức lợi nhuận bình quân 33,9%, do lợi nhuận các công ty trong ngành được kỳ vọng phục hồi mạnh mẽ.

Ngược lại, ngành Bất động sản (-6,1%) là ngành có hiệu suất kém nhất, chủ yếu do giá cổ phiếu của các công ty lớn như Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Địa ốc Nova (HSX: NVL), Tập đoàn VinGroup (HSX: VIC) và các công ty liên quan, Công ty Cổ phần Vinhomes (HSX: VHM) và Công ty Cổ phần Vincom Retail (HSX: VRE) suy giảm do lo ngại về tình hình tài chính. Ngành hàng tiêu dùng thiết yếu (+2,5%) là ngành có hiệu suất kém thứ hai, chủ yếu do giá cổ phiếu của các công ty lớn nhất ngành giảm như CTCP Sữa Việt Nam (HSX: VNM, -1,8%) và CTCP Bia Rượu Nước giải khát Sài Gòn(HSX: SAB, -2,5%)

Trong nửa đầu năm 2024, chỉ số VN30 (đại diện cổ phiếu vốn hóa lớn) đạt lợi nhuận 13,0%, vượt trội hơn VN70 (cổ phiếu vốn hóa vừa) và VNSC (cổ phiếu vốn hóa nhỏ) với lợi nhuận lần lượt là 11,1% và 9,4%.

IV. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

1. Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ

Chỉ tiêu	*1 năm đến thời điểm báo cáo (%)*	*Từ khi thành lập đến thời điểm báo cáo (%)*
Tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị quỹ *(a)*	-0,32	Không áp dụng
Tăng trưởng vốn/1 đơn vị quỹ *(a)*	27,79	Không áp dụng
Tăng trưởng hàng năm/1 đơn vị quỹ	27,47	8,68
Tăng trưởng của danh mục cơ cấu	Không áp dụng	Không áp dụng
Thay đổi giá trị thị trường của 1 đơn vị quỹ	Không áp dụng	Không áp dụng

(a) Phần phân tách tăng trưởng/1 đơn vị quỹ thành tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị quỹ và tăng trưởng vốn/1 đơn vị quỹ chỉ mang tính tương đối.

Thay đổi giá trị tài sản ròng:

Chỉ tiêu	*Ngày 30 tháng 6 năm 2024 VNĐ*	*Ngày 30 tháng 6 năm 2023 VNĐ*	*Tỷ lệ thay đổi (%)*
Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ	500.767.150.832	297.489.465.924	68,33
Giá trị tài sản ròng (NAV)/1 đơn vị quỹ	12.393,86	9.723,11	27,47

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

IV. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1. Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ (tiếp theo)

Biểu đồ thay đổi Giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị quỹ hàng tháng của Quỹ:

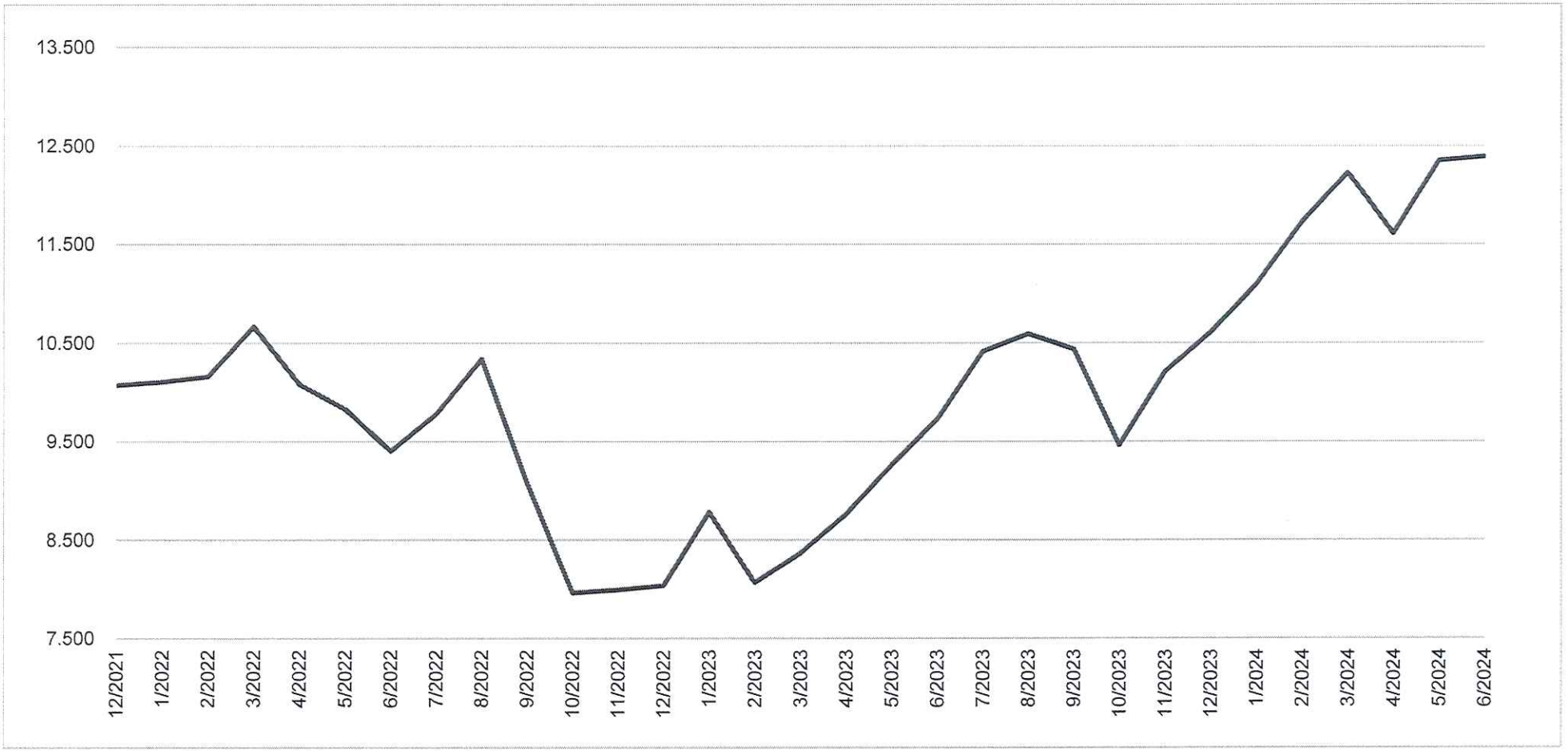

IV. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

2. Thống kê về Nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

Quy mô nắm giữ (chứng chỉ quỹ)	*Số lượng nhà đầu tư nắm giữ*	*Số lượng chứng chỉ quỹ nắm giữ*	*Tỷ lệ nắm giữ (%)*
Dưới 5.000	9.864	6.369.363,05	15,77
Từ 5.000 đến 10.000	514	3.735.193,14	9,24
Từ 10.000 đến 50.000	531	11.054.080,95	27,36
Từ 50.000 đến 500.000	102	11.339.241,46	28,06
Trên 500.000	6	7.906.552,76	19,57
Tổng cộng	**11.017**	**40.404.431,36**	**100,00**

3. Chi phí ngầm và giảm giá: Không có

V. THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG

Nền kinh tế Việt Nam tăng trưởng vượt dự báo trong nửa đầu năm 2024 nhờ khu vực xuất khẩu và dịch vụ hồi phục mạnh mẽ. Tiêu dùng trong nước cũng hồi phục nhưng chưa như kỳ vọng khi tổng mức bán lẻ hàng hóa theo giá cố định chỉ tăng 5,7% so với cùng kỳ (6 tháng năm 2023: +8,8%). Do đó, Chính phủ có thể sẽ ưu tiên duy trì chính sách tiền tệ nới lỏng để hỗ trợ tăng trưởng. Nỗ lực này gặp nhiều trở ngại trong các tháng vừa qua khi VNĐ mất giá đến 4,3% trong nửa đầu năm. Nhưng áp lực tỷ giá được dự báo sẽ suy giảm trong nửa cuối năm. Nguồn cung USD lớn từ giải ngân vốn FDI và thu từ du khách quốc tế sẽ hỗ trợ VNĐ. Bên cạnh đó, máy móc thiết bị và nguyên phụ liệu sản xuất chiếm đến khoảng 94% giá trị nhập khẩu trong sáu tháng đầu năm và điều này hứa hẹn triển vọng tích cực của xuất khẩu và sau đó là nguồn cung USD. Các biện pháp can thiệp của NHNN trên thị trường mở đã thu hẹp chênh lệch lãi suất USD – VNĐ và do đó làm giảm áp lực lên VNĐ. Lãi suất ở Mỹ hiện đang ở mức cao và nếu được cắt giảm sẽ gỡ bỏ rất nhiều áp lực tỷ giá. Dữ liệu mới nhất về lạm phát và thị trường lao động làm tăng hy vọng Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) sẽ cắt giảm lãi suất trong năm 2024. Chỉ số Chi tiêu Cá nhân trong tháng 6 chỉ tăng 2,5% so với cùng kỳ trong khi tỷ lệ thất nghiệp đang cho thấy xu hướng tăng (T6 2024: 4,1%, T12 2023: 3,7%). Tuy vậy, khi nào Fed hạ lãi suất vẫn là câu hỏi lớn.

Các ngân hàng có thể sẽ tiếp tục duy trì mặt bằng lãi suất cho vay thấp để thu hút khách hàng tốt vì nhu cầu tín dụng còn thấp. Một số ngân hàng đã tăng lãi suất huy động trong thời gian vừa qua sau khi lãi suất liên ngân hàng tăng vì NHNN hút thanh khoản thừa trong hệ thống. Lãi suất huy động có thể tăng tiếp khi tín dụng tăng nhưng những thay đổi đáng kể có thể sẽ không diễn ra trong năm 2024 do hoạt động kinh doanh nhìn chung vẫn còn trì trệ. Lãi suất thấp sẽ tiếp tục thúc đẩy tiêu dùng và đầu tư trong thời gian tới.

Về chính sách tài khóa, đẩy mạnh đầu tư công tiếp tục là trọng tâm của Chính phủ. Tốc độ giải ngân vốn trong các tháng vừa qua khá chậm và do đó lũy kế vốn giải ngân trong sáu tháng mới hoàn thành 29,4% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao, thấp hơn mức 30,5% cùng kỳ. Tuy vậy, tiến độ xây dựng của các dự án trọng điểm cũng như tốc độ giải ngân vốn đầu tư công được kỳ vọng sẽ tăng tốc trong nữa cuối năm vì Chính phủ rất quyết tâm hoàn thành kế hoạch đầu tư công. Bên cạnh đó, Chính phủ vừa phê duyệt kéo dài thời gian giảm 2% thuế giá trị gia tăng đến cuối năm 2024 để hỗ trợ tiêu dùng.

V. THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG (tiếp theo)

Ngành du lịch tiếp tục hồi phục với 8,8 triệu khách quốc tế trong nửa đầu năm, cao hơn 4,1% so với mức trước đại dịch Covid, và do đó đã đóng góp tích cực vào tăng trưởng kinh tế và đang thực hiện tốt kế hoạch thu hút 17-18 triệu khách quốc tế trong năm nay (2023: 12,6 triệu khách). Cuối cùng nhưng không kém phần quan trọng, vốn đầu tư nước ngoài, đặc biệt vào lĩnh vực sản xuất, vẫn rất khả quan và sẽ giúp gia tăng nhu cầu trên thị trường lao động và tạo ra giá trị xuất khẩu mới. Hơn nữa, sau khi khu vực sản xuất hồi phục mạnh mẽ, người tiêu dùng sẽ tự tin hơn về triển vọng việc làm và thu nhập và do đó sẽ tác động tích cực đến tiêu dùng.

Do đó, chúng tôi duy trì quan điểm lạc quan về triển vọng của nền kinh tế và thị trường chứng khoán Việt Nam trong nửa cuối năm 2024. Thực tế là hầu hết các doanh nghiệp vốn hóa lớn trong chỉ số VN30 đều đặt mục tiêu tăng trưởng lợi nhuận với mức tăng trưởng bình quân trung vị là 15,6% so với cùng kỳ. Về dự báo của thị trường, lợi nhuận của các công ty trong chỉ số VN-Index được dự báo tăng 27,8% so với cùng kỳ. Vì vậy, định giá thị trường chứng khoán sẽ trở nên hấp dẫn với hệ số P/E dựa trên dự báo lợi nhuận cả năm 2024 chỉ ở mức 11,9 lần, thấp hơn đáng kể so với mức trung bình trong 10 năm qua là 15,8 lần. Bên cạnh đó, lãi suất huy động vẫn sẽ duy trì ở mức thấp như đã được phân tích ở trên và điều này sẽ giúp duy trì nhu cầu đầu tư vào cổ phiếu.

Tuy nhiên, thị trường trong giai đoạn hiện nay cũng chứa đựng nhiều rủi ro. Một điểm quan trọng cần lưu ý là nền kinh tế Mỹ vẫn đang trong giai đoạn thực hiện thắt chặt tiền tệ trong khi lạm phát vẫn cao hơn mục tiêu của Fed là tăng 2,0%. Căng thẳng địa chính trị vẫn chưa cho thấy dấu hiệu hạ nhiệt và do đó vẫn tiềm ẩn rủi ro cho tăng trưởng kinh tế và lạm phát, đặc biệt nếu các quốc gia liên quan có động thái làm gia tăng căng thẳng. Bên cạnh đó, chúng tôi nhận thấy giá một số cổ phiếu, đặc biệt là các cổ phiếu của các công ty tốt, đã tăng rất mạnh và vì vậy phần lớn giá cổ phiếu hiện nay đã phản ảnh giá trị thực của các công ty này. Do đó, chúng tôi nhận thấy tìm kiếm được các cơ hội tốt là khá khó khăn ở giai đoạn hiện nay. Như lịch sử đã chứng minh, chất lượng của doanh nghiệp và định giá cổ phiếu là hai yếu tố quan trọng nhất quyết định kết quả đầu tư. Do đó chúng tôi tin tưởng rằng chiến lược xây dựng một danh mục đa dạng bao gồm các công ty tốt ở các mức định giá hợp lý sẽ tiếp tục tạo ra mức lợi nhuận đã điều chỉnh rủi ro hấp dẫn cho các nhà đầu tư của chúng tôi.

VI. THÔNG TIN KHÁC

Thông tin về từng nhân sự điều hành quỹ, Ban Đại diện Quỹ và Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ đã được trình bày đầy đủ tại Bản cáo bạch của Quỹ.

S.G.P: 06 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN VIETCOMBANK
Q. HOÀN KIẾM - TP. HÀ NỘI

Bà Nguyễn Thị Hằng Nga
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2024

standard chartered

BÁO CÁO CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Chúng tôi là Ngân hàng giám sát của Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF ("Quỹ") cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 30 tháng 06 năm 2024, với sự hiểu biết của chúng tôi thì trong giai đoạn này Quỹ đã hoạt động và được quản lý với các nội dung dưới đây:

a) Trong quá trình giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quỹ cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 30 tháng 06 năm 2024, Quỹ đã tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ mở, Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và văn bản pháp luật liên quan.

b) Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ, Sổ tay định giá đã được Ban đại diện Quỹ phê duyệt và các văn bản pháp luật liên quan.

c) Phát hành và mua lại Chứng chỉ Quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.

d) Trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 30 tháng 06 năm 2024, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư.

ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

M.S.D.N: 0317747 NGÂN HÀNG TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN STANDARD CHARTERED (VIỆT NAM) C.T.T.N.H.H

Nguyễn Thuỳ Linh

Phó phòng Dịch vụ Nghiệp vụ Giám sát Quỹ

NHÂN VIÊN GIÁM SÁT

Vũ Minh Hiền

Nhân viên phòng Dịch vụ Nghiệp vụ Giám sát Quỹ

Ernst & Young Vietnam Limited
20th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Fax: +84 28 3824 5250
ey.com

Số tham chiếu: 12906604/68500632-SX

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các nhà đầu tư của Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF ("Quỹ") được lập ngày 14 tháng 8 năm 2024 và được trình bày từ trang 17 đến trang 56, bao gồm báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ, báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, báo cáo thu nhập giữa niên độ, báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ

Ban Giám đốc của Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank là Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ của quỹ mở và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

A member firm of Ernst & Young Global Limited

Building a better working world

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ và danh mục đầu tư của Quỹ vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả thu nhập giữa niên độ, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ của quỹ mở.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ERNST & YOUNG VIỆT NAM

Vũ Tiến Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 3321-2020-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2024

A member firm of Ernst & Young Global Limited

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

BÁO CÁO THU NHẬP GIỮA NIÊN ĐỘ B01g-QM
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 VNĐ*	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VNĐ*
01	**I. THU NHẬP, DOANH THU HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ**		**63.753.203.036**	**55.462.871.905**
02	1.1 Cổ tức được chia		4.049.130.900	4.829.574.800
03	1.2 Tiền lãi được nhận	15	54.652.736	2.641.805
04	1.3 Lãi bán các khoản đầu tư	16	5.052.427.767	591.703.605
05	1.4 Chênh lệch tăng đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	5	54.596.991.633	50.038.951.695
10	**II. CHI PHÍ ĐẦU TƯ**		**152.240.271**	**18.696.484**
11	2.1 Chi phí giao dịch mua, bán các khoản đầu tư	17	152.240.271	18.696.484
20	**III. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG QUỸ MỞ**		**4.690.267.630**	**3.231.088.860**
20.1	3.1 Phí quản lý Quỹ mở	25.1	3.891.773.607	2.572.024.854
20.2	3.2 Phí dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ mở	18	102.486.212	82.396.144
20.3	3.3 Phí dịch vụ giám sát	25.2	105.979.401	105.600.000
20.4	3.4 Phí dịch vụ quản trị Quỹ mở	25.2	224.400.000	202.889.723
20.5	3.5 Phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng		66.000.000	66.000.000
20.7	3.6 Chi phí họp, Đại hội Quỹ mở		157.745.987	62.465.947
20.8	3.7 Chi phí kiểm toán		70.890.492	73.323.288
20.10	3.8 Chi phí hoạt động khác	19	70.991.931	66.388.904
23	**IV. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ**		**58.910.695.135**	**52.213.086.561**
24	**V. KẾT QUẢ THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC**		-	-
30	**VI. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ**		**58.910.695.135**	**52.213.086.561**
31	5.1 Lợi nhuận đã thực hiện		4.313.703.502	2.174.134.866
32	5.2 Lợi nhuận chưa thực hiện	5	54.596.991.633	50.038.951.695
40	**VII. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP ("TNDN")**		-	-
41	**VIII. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN**		**58.910.695.135**	**52.213.086.561**

CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN VIETCOMBANK

Bà Lê Vân
Trưởng phòng Dịch vụ Quỹ và Danh mục

Bà Nguyễn Thị Hằng Nga
Tổng Giám đốc

Bà Nguyễn Minh Hằng
Người lập biểu

Bà Trần Thị Hà Linh
Kế toán Trưởng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2024

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

B02g-QM

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Ngày 30 tháng 6 năm 2024 VNĐ*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VNĐ*
100	**I. TÀI SẢN**			
110	**1. Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền**	**4**	**45.065.734.354**	**5.210.236.036**
111	1.1 Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ mở		37.040.994.628	3.180.493.294
112	1.2 Tiền gửi có kỳ hạn dưới ba (3) tháng		8.024.739.726	2.029.742.742
120	**2. Các khoản đầu tư thuần**		**461.591.582.400**	**318.536.178.000**
121	2.1 Các khoản đầu tư	5	461.591.582.400	318.536.178.000
121.1	*2.1.1 Cổ phiếu niêm yết*		*461.591.582.400*	*318.307.770.500*
121.2	*2.1.2 Quyền mua chứng khoán*		-	*228.407.500*
130	**3. Các khoản phải thu**		**306.921.713**	**384.704.748**
133	3.1 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư		306.921.713	384.704.748
136	*3.1.1 Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận*	*6*	*306.921.713*	*384.704.748*
100	**TỔNG TÀI SẢN**		**506.964.238.467**	**324.131.118.784**
300	**II. NỢ PHẢI TRẢ**			
312	1. Phải trả về mua các khoản đầu tư	7	3.600.201.889	-
313	2. Phải trả cho các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ	8	385.827.820	-
314	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		35.252.092	-
316	4. Chi phí phải trả	9	97.890.492	71.280.000
317	5. Phải trả cho Nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ	10	1.197.867.536	724.413.453
318	6. Phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại chứng chỉ quỹ	11	15.102.448	-
319	7. Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ mở	12	859.972.680	342.488.744
320	8. Phải trả, phải nộp khác		4.972.678	-
300	**TỔNG NỢ PHẢI TRẢ**		**6.197.087.635**	**1.138.182.197**
400	**III. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CÓ THỂ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ NẮM GIỮ CHỨNG CHỈ QUỸ MỞ**		**500.767.150.832**	**322.992.936.587**
411	1. Vốn góp của Nhà đầu tư		404.044.313.600	304.540.394.500
412	*1.1 Vốn góp phát hành*	*13*	*595.937.322.600*	*440.692.717.100*
413	*1.2 Vốn góp mua lại*	*13*	*(191.893.009.000)*	*(136.152.322.600)*
414	2. Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư		19.462.679.197	103.079.187
420	3. Lợi nhuận chưa phân phối	14	77.260.158.035	18.349.462.900
430	**IV. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG QUỸ MỞ TRÊN 1 CHỨNG CHỈ QUỸ**	**13**	**12.393,86**	**10.605,91**

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo) B02g-QM
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Ngày 30 tháng 6 năm 2024 Chứng chỉ quỹ*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2023 Chứng chỉ quỹ*
004	1. Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành	21	40.404.431,36	30.454.039,45

Bà Lê Vân
Trưởng phòng Dịch vụ Quỹ và Danh mục

Bà Nguyễn Thị Hằng Nga
Tổng Giám đốc

Bà Nguyễn Minh Hằng
Người lập biểu

Bà Trần Thị Hà Linh
Kế toán Trưởng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2024

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG, GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

B03g-QM

STT	CHỈ TIÊU	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 VNĐ*	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VNĐ*
I	**Giá trị tài sản ròng của Quỹ mở (NAV) đầu kỳ**	**322.992.936.587**	**255.876.261.450**
II	**Thay đổi NAV so với kỳ trước**	**58.910.695.135**	**52.213.086.561**
	Trong đó:		
II.1	- Thay đổi NAV do biến động thị trường và hoạt động giao dịch của Quỹ trong kỳ	58.910.695.135	52.213.086.561
III	**Thay đổi NAV do mua lại, phát hành thêm chứng chỉ quỹ**	**118.863.519.110**	**(10.599.882.087)**
	Trong đó:		
III.1	- Khoản thu từ việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ	184.427.142.679	21.418.519.741
III.2	- Khoản thanh toán từ việc mua lại chứng chỉ quỹ	(65.563.623.569)	(32.018.401.828)
IV	**Giá trị tài sản ròng của Quỹ mở cuối kỳ**	**500.767.150.832**	**297.489.465.924**

Bà Lê Vân
Trưởng phòng Dịch vụ Quỹ và Danh mục

Bà Nguyễn Thị Hằng Nga
Tổng Giám đốc

Bà Nguyễn Minh Hằng
Người lập biểu

Bà Trần Thị Hà Linh
Kế toán Trưởng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2024

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

B04g-QM

STT	Loại tài sản	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 VNĐ	Tổng giá trị VNĐ	Tỷ lệ trên tổng giá trị tài sản của Quỹ tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 (%)
I	**Cổ phiếu niêm yết**			**461.591.582.400**	**91,05**
1	ACB	621.775	23.800	14.798.245.000	2,92
2	BVH	255.000	46.000	11.730.000.000	2,31
3	BWE	496.860	45.700	22.706.502.000	4,48
4	CTD	282.933	70.100	19.833.603.300	3,91
5	DBD	342.862	40.000	13.714.480.000	2,71
6	DGW	122.000	61.200	7.466.400.000	1,47
7	FPT	202.446	130.500	26.419.203.000	5,21
8	GMD	182.000	83.000	15.106.000.000	2,98
9	HAX	952.487	16.150	15.382.665.050	3,03
10	HCM	702.735	26.200	18.411.657.000	3,63
11	HPG	286.110	28.300	8.096.913.000	1,60
12	IJC	681.000	14.550	9.908.550.000	1,95
13	LHG	410.800	37.400	15.363.920.000	3,03
14	MBB	1.128.020	22.200	25.042.044.000	4,94
15	MCM	208.800	40.850	8.529.480.000	1,68
16	MIG	524.316	22.300	11.692.246.800	2,31
17	MSB	704.100	14.300	10.068.630.000	1,99
18	MSH	191.200	48.000	9.177.600.000	1,81
19	MWG	250.000	62.400	15.600.000.000	3,08
20	NLG	374.900	41.400	15.520.860.000	3,06
21	NTC	66.700	214.500	14.307.150.000	2,82
22	PNJ	264.733	95.500	25.282.001.500	4,99
23	QNS	313.900	49.000	15.381.100.000	3,03
24	REE	78.775	62.600	4.931.315.000	0,97
25	SAS	10.900	35.500	386.950.000	0,08
26	SCS	13.135	86.000	1.129.610.000	0,22
27	SGN	65.000	81.600	5.304.000.000	1,05
28	STB	1.354.800	28.800	39.018.240.000	7,70
29	TDM	238.150	49.000	11.669.350.000	2,30
30	THG	181.365	41.350	7.499.442.750	1,48
31	TLG	168.300	52.000	8.751.600.000	1,73
32	VIB	721.000	21.000	15.141.000.000	2,99
33	VTP	219.528	83.000	18.220.824.000	3,59

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ (tiếp theo) B04g-QM
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

STT	*Loại tài sản*	*Số lượng*	*Giá thị trường tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 VNĐ*	*Tổng giá trị VNĐ*	*Tỷ lệ trên tổng giá trị tài sản của Quỹ tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 (%)*
II	**Các tài sản khác**			**306.921.713**	**0,06**
1	Dự thu cổ tức			285.500.000	0,06
2	Dự thu lãi tiền gửi			21.421.713	0,00
III	**Tiền**			**45.065.734.354**	**8,89**
1	Tiền gửi ngân hàng			45.065.734.354	8,89
1.1	*- Tiền gửi thanh toán*			*37.040.994.628*	*7,31*
1.2	*- Tiền gửi có kỳ hạn dưới ba (3) tháng*			*8.024.739.726*	*1,58*
IV	**Tổng giá trị danh mục**			**506.964.238.467**	**100,00**

Bà Lê Vân
Trưởng phòng Dịch vụ Quỹ và Danh mục

Bà Nguyễn Thị Hằng Nga
Tổng Giám đốc

Bà Nguyễn Minh Hằng
Người lập biểu

Bà Trần Thị Hà Linh
Kế toán Trưởng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ B05g-QM
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 VNĐ*	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VNĐ*
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
01	**1. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp**		**58.910.695.135**	**52.213.086.561**
02	**2. Điều chỉnh cho các khoản giảm giá trị tài sản ròng từ các hoạt động đầu tư**		**(54.592.408.463)**	**(50.040.769.503)**
	Trong đó:			
03	*Lãi đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện*	*5*	*(54.596.991.633)*	*(50.038.951.695)*
04	*Chi phí trích trước*		*4.583.170*	*(1.817.808)*
05	**3. Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư trước thay đổi vốn lưu động**		**4.318.286.672**	**2.172.317.058**
20	(Tăng)/Giảm các khoản đầu tư		(88.458.412.767)	9.499.831.395
07	Giảm/(tăng) dự thu phải thu tiền lãi các khoản đầu tư		77.783.035	(1.126.124.800)
10	Tăng phải trả cho người bán		3.600.201.889	-
11	Tăng phải trả các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ		385.827.820	81.975.932
13	Tăng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		35.252.092	17.019.857
14	Tăng phải trả cho Nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ		473.454.083	208.803.156
15	Tăng phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại chứng chỉ quỹ		15.102.448	-
16	Tăng phải trả, phải nộp khác		27.000.000	27.000.000
17	Tăng phải trả dịch vụ quản lý Quỹ mở		517.483.936	134.965.511
19	**Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/ từ hoạt động đầu tư**		**(79.008.020.792)**	**11.015.788.109**
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành chứng chỉ quỹ	13	184.427.142.679	21.418.519.741
32	2. Tiền chi mua lại chứng chỉ quỹ	13	(65.563.623.569)	(32.018.401.828)
30	**Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động tài chính**		**118.863.519.110**	**(10.599.882.087)**
40	**III. TĂNG TIỀN THUẦN TRONG KỲ**		**39.855.498.318**	**415.906.022**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo) B05g-QM
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 VNĐ*	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VNĐ*
50	**IV. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ**	**4**	**5.210.236.036**	**5.607.053.966**
51	Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ:		5.210.236.036	5.607.053.966
52	- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động quỹ mở		4.485.822.583	5.367.133.966
	Trong đó:			
	Tiền gửi không kỳ hạn cho hoạt động của Quỹ		*2.456.079.841*	*5.367.133.966*
	Tiền gửi ngân hàng kỳ hạn dưới ba (3) tháng		*2.029.742.742*	-
53	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua và mua lại chứng chỉ quỹ		724.413.453	239.920.000
55	**V. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ**	**4**	**45.065.734.354**	**6.022.959.988**
56	Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ:		45.065.734.354	6.022.959.988
57	- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động quỹ mở		43.852.764.370	5.574.236.832
	Trong đó:			
	Tiền gửi không kỳ hạn cho hoạt động của Quỹ		*35.828.024.644*	*5.574.236.832*
	Tiền gửi có kỳ hạn dưới ba (3) tháng		*8.024.739.726*	-
58	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua và mua lại chứng chỉ quỹ		1.212.969.984	448.723.156
60	**VI. CHÊNH LỆCH TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TRONG KỲ**		**39.855.498.318**	**415.906.022**

Bà Lê Vân
Trưởng phòng Dịch vụ Quỹ và Danh mục

Bà Nguyễn Thị Hằng Nga
Tổng Giám đốc

Bà Nguyễn Minh Hằng
Người lập biểu

Bà Trần Thị Hà Linh
Kế toán Trưởng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2024

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

1.1 Thông tin về Quỹ

Quỹ

Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF ("Quỹ") được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 152/GCN-UBCK ngày 24 tháng 8 năm 2021 và Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 48/GCN-UBCK ngày 2 tháng 12 năm 2021 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Quỹ không có nhân viên và được quản lý bởi Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư chứng khoán Vietcombank ("Công ty Quản lý Quỹ").

Địa chỉ liên hệ của Quỹ: Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư chứng khoán Vietcombank, Tầng 15, Tòa nhà Vietcombank, 198 Trần Quang Khải, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Ngân hàng Giám sát và Lưu ký

Ngân hàng Giám sát và Lưu ký của Quỹ là Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam). Ngân hàng Giám sát và Lưu ký được chỉ định bởi Đại hội Nhà đầu tư, thực hiện lưu ký chứng khoán, lưu trữ các hợp đồng kinh tế và ghi nhận tài sản của Quỹ cũng như giám sát hoạt động của Quỹ. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát và Lưu ký được quy định tại Điều lệ Quỹ.

Công ty Quản lý Quỹ

Công ty Quản lý Quỹ được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 06/UBCK-GPHĐQLQ ngày 2 tháng 12 năm 2005 và các giấy phép điều chỉnh do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, lần điều chỉnh gần nhất là Giấy phép điều chỉnh số 28/GPĐC-UBCK ngày 25 tháng 4 năm 2023. Công ty Quản lý Quỹ được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0101842669 lần gần nhất vào ngày 11 tháng 7 năm 2024 (đăng ký lần đầu ngày 2 tháng 12 năm 2005), và là đại diện theo ủy quyền của Quỹ, thay mặt cho Quỹ để thực hiện quyền sở hữu đối với tài sản của Quỹ một cách trung thực và cẩn trọng. Công ty Quản lý Quỹ tuân thủ các quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty Quản lý Quỹ, thực hiện việc quản lý tài sản của Quỹ theo quy định tại Điều lệ Quỹ, tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tự nguyện, công bằng, trung thực và vì lợi ích cao nhất của Quỹ.

1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ

Quy mô vốn

Tổng số chứng chỉ quỹ đã phân phối lần đầu là 15.299.243,34 chứng chỉ với tổng giá trị là 152.992.433.400 đồng, chiếm 305,98% tổng số chứng chỉ quỹ dự kiến chào bán là 5.000.000 chứng chỉ quỹ với mệnh giá là 10.000 đồng/đơn vị quỹ. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào Quỹ là 404.044.313.600 đồng, tương đương với 40.404.431,36 chứng chỉ quỹ.

Mục tiêu đầu tư

Mục tiêu đầu tư của Quỹ chủ yếu là tăng trưởng tài sản đầu tư trong trung hạn và dài hạn thông qua phân bổ tỷ trọng đa số vào các cổ phiếu của các công ty có vốn hóa vừa và có tiềm năng tăng trưởng cao. Việc điều chỉnh mục tiêu đầu tư của Quỹ cần phải được Nhà đầu tư biểu quyết thông qua theo quy định tại Điều lệ Quỹ, và nếu được chấp thuận, các điều chỉnh này sẽ được cập nhật vào Bản cáo bạch của Quỹ.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

Chiến lược đầu tư

Quỹ sẽ đầu tư tư chủ yếu vào danh mục đa dạng các cổ phiếu thỏa mãn các điều kiện được quy định về Phân bổ tài sản nhằm giảm thiểu rủi ro cho Quỹ.

Quỹ sẽ kết hợp cả chiến lược đầu tư tăng trưởng và chiến lược đầu tư giá trị. Trong việc tìm kiếm các đặc tính tăng trưởng bền vững, Quỹ đánh giá cơ hội thị trường trong dài hạn và tính cạnh tranh của từng ngành để nhắm đến các công ty đầu ngành và các công ty có triển vọng trở thành công ty đầu ngành. Trong việc đánh giá giá trị của công ty, Quỹ sẽ xem xét liệu giá chứng khoán đã phản ánh đầy đủ mối tương quan giữa cơ hội tăng trưởng bền vững với rủi ro kinh doanh và rủi ro tài chính hay chưa.

Quỹ sẽ sử dụng phương pháp tiếp cận từ dưới lên tức là từ phân tích các chỉ số cơ bản của công ty để lựa chọn cổ phiếu đầu tư và lựa chọn các công ty trong nhiều ngành khác nhau. Tỷ trọng ngành trong danh mục đầu tư của Quỹ là kết quả của quy trình phân tích cơ bản công ty và vì vậy có thể khác với tỷ trọng ngành trong chỉ số tham chiếu.

Kỳ tính giá trị tài sản ròng ("NAV")

NAV của Quỹ phải được xác định hàng tuần vào Ngày Giao Dịch hoặc những ngày mà NAV của Quỹ được xác định cho mục đích báo cáo (tuần, tháng, quý, năm) hoặc các mục đích khác.

Tần suất giao dịch chứng chỉ quỹ

Tần suất giao dịch chứng chỉ quỹ là định kỳ vào ngày thứ Ba, thứ Năm hàng tuần nếu ngày đó là ngày làm việc. Nếu ngày thứ Ba, thứ Năm không phải là ngày làm việc thì ngày giao dịch sẽ là ngày làm việc vào thứ Ba, thứ Năm tiếp theo.

Hạn chế đầu tư

Các khoản đầu tư của Quỹ sẽ được đa dạng hóa và đáp ứng được các điều kiện của Luật hiện hành. Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ phải bảo đảm tuân thủ các nguyên tắc và các hạn mức đầu tư sau:

a) Trừ tiền gửi trên tài khoản thanh toán của Quỹ tại Ngân hàng Giám sát, Quỹ không được đầu tư quá 49% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản gồm: tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng; công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;

b) Không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá 10% tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ công cụ nợ của Chính phủ;

c) Không được đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành và các tài sản (nếu có) dưới đây của một tổ chức phát hành, trừ công cụ nợ của Chính phủ:

   i. Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng;

   ii. Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

Hạn chế đầu tư (tiếp theo)

d) Không được đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản dưới đây được phát hành bởi các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp sau đây: công ty mẹ, công ty con; các công ty sở hữu trên 35% cổ phần, phần vốn góp của nhau; nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ. Trong đó phần đầu tư vào chứng khoán phái sinh tính bằng giá trị cam kết của hợp đồng xác định theo quy định tại phụ lục số 14 ban hành kèm theo Thông tư số 98/2020/TT-BTC hướng dẫn về hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán:

i. Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng;

ii. Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;

iii. Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng;

iv. Cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu một (01) lần trong mười hai (12) tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành. Việc đầu tư vào các tài sản này phải được Ban Đại Diện quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện; và có đủ tài liệu chứng minh về bảo lãnh thanh toán hoặc tài liệu về cam kết mua lại của tổ chức phát hành;

e) Không được đầu tư quá 10% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào tài sản là cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu một (01) lần trong mười hai (12) tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành;

f) Tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của Quỹ không được vượt quá 40% tổng giá trị tài sản của Quỹ. Trong đó, hạng mục đầu tư lớn của Quỹ là hạng mục đầu tư vào các loại tài sản dưới đây (ngoại trừ chứng chỉ tiền gửi) phát hành bởi cùng một tổ chức, có tổng giá trị chiếm từ 5% trở lên tổng giá trị tài sản của Quỹ:

i. Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;

ii. Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng;

iii. Cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu một (01) lần trong mười hai (12) tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành. Việc đầu tư vào các tài sản này phải được Ban Đại Diện quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện; và có đủ tài liệu chứng minh về bảo lãnh thanh toán hoặc tài liệu về cam kết mua lại của tổ chức phát hành;

iv. Quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ;

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

Hạn chế đầu tư (tiếp theo)

g) Tại mọi thời điểm, tổng dư nợ vay và các khoản phải trả của quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của Quỹ;

h) Không được đầu tư vào Chứng Chỉ Quỹ của Quỹ VCBF - MGF;

i) Chỉ được đầu tư vào chứng chỉ quỹ đại chúng khác, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng do công ty quản lý quỹ khác quản lý và bảo đảm các hạn chế sau:

- Không đầu tư vào quá 10% tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một quỹ đại chúng, cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
- Không đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng chỉ quỹ của một quỹ đại chúng, cổ phiếu của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
- Không đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;

j) Không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm;

k) Phải có chứng khoán của ít nhất 06 tổ chức phát hành, trừ trường hợp quỹ trái phiếu;

l) Quỹ chỉ được đầu tư tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi phát hành bởi các tổ chức tín dụng trong danh sách đã được Ban Đại Diện Quỹ phê duyệt.

Cơ cấu đầu tư của Quỹ chỉ được vượt mức so với các hạn chế đầu tư đã quy định tại Khoản (a), (b), (c), (d), (e), (f) và (i) nêu trên và chỉ do các nguyên nhân sau:

(i) Biến động giá trên thị trường của các tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ;

(ii) Thực hiện các khoản thanh toán của Quỹ theo quy định của pháp luật, bao gồm việc thực hiện lệnh giao dịch của nhà đầu tư;

(iii) Hoạt động chia, tách, hợp nhất, sáp nhập các tổ chức phát hành;

(iv) Quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách quỹ, hợp nhất quỹ, sát nhập quỹ mà thời gian hoạt động chưa quá sáu (06) tháng, tính từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ điều chỉnh; hoặc

(v) Quỹ đang trong thời gian giải thể.

Trong trường hợp xảy ra sai lệch so với các hạn mức đầu tư vì các lý do quy định tại điểm (i), (ii), (iii), (iv) nêu trên, Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và điều chỉnh lại cơ cấu danh mục đầu tư để đáp ứng các hạn mức đầu tư như được quy định trong vòng 3 (ba) tháng kể từ ngày có sai lệch phát sinh.

Trong trường hợp sai lệch phát sinh vì Công ty Quản lý Quỹ không tuân thủ các hạn mức đầu tư như quy định bởi pháp luật hoặc Điều lệ hoặc Bản cáo bạch, Công ty Quản lý Quỹ phải điều chỉnh danh mục đầu tư trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày phát hiện ra sai lệch. Công ty Quản lý Quỹ phải bồi thường thiệt hại cho Quỹ (nếu có) và chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư. Nếu phát sinh lợi nhuận, phải hạch toán ngay mọi khoản lợi nhuận đã có được cho Quỹ.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

Hạn chế đầu tư (tiếp theo)

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ phải công bố thông tin theo quy định, đồng thời thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về các sai lệch cơ cấu danh mục đầu tư, nguyên nhân, thời điểm phát sinh hoặc phát hiện ra sự việc, mức độ thiệt hại và bồi thường thiệt hại cho quỹ (nếu có) hoặc lợi nhuận tạo cho quỹ (nếu có), biện pháp khắc phục, thời gian thực hiện, kết quả khắc phục.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

2.1 Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ được lập theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở được quy định tại Thông tư số 198/2012/TT-BTC ("Thông tư 198") ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, Thông tư số 98/2020/TT-BTC ("Thông tư 98") ngày 16 tháng 11 năm 2020 hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2015 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục do Bộ Tài chính ban hành và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập trên cơ sở giá gốc, ngoại trừ các khoản đầu tư được đo lường theo giá trị hợp lý *(Thuyết minh 3.4)*.

Theo đó, báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính giữa niên độ và danh mục đầu tư tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả thu nhập giữa niên độ, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Theo Thông tư 198, báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ bao gồm:

1. Báo cáo thu nhập giữa niên độ
2. Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ
3. Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ
4. Báo cáo danh mục đầu tư
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ
6. Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Quỹ là Nhật ký Chung.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán của Quỹ áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Quỹ cũng lập báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 để nộp cho các cơ quan chức năng theo yêu cầu của Thông tư 198 và Thông tư số 96/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 16 tháng 11 năm 2020.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Quỹ là đồng Việt Nam ("VNĐ").

2.5 Cam kết tuân thủ

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cam kết đã lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ của quỹ mở.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Các thay đổi trong chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Qũy sử dụng để lập báo cáo tài chính giữa niên độ được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 và báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

3.2 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ của quỹ mở yêu cầu Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ, tiền gửi của Nhà đầu tư về mua, bán chứng chỉ quỹ chờ xử lý, tiền gửi phong tỏa, tiền gửi tại các tổ chức tín dụng có thời hạn đáo hạn không quá ba (3) tháng kể từ ngày gửi và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba (3) tháng, có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là mục đích khác.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.4 Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư của Quỹ bao gồm các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết và các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên ba (3) tháng.

Nguyên tắc phân loại

Quỹ phân loại chứng khoán niêm yết được mua với mục đích kinh doanh là chứng khoán kinh doanh.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc chỉ bao gồm giá mua mà không bao gồm các chi phí liên quan phát sinh để có được các khoản đầu tư.

Đối với các khoản đầu tư vào trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi và tiền gửi ngân hàng, giá mua chưa bao gồm lãi dự thu (giá sạch) được ghi nhận trên khoản mục *"Các khoản đầu tư"*. Phần lãi dự thu chưa được thanh toán tính đến ngày mua được ghi nhận trên khoản mục *"Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận"* trên báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ.

Ghi nhận tiếp theo

Các khoản đầu tư được ghi nhận trên khoản mục *"Các khoản đầu tư"* trên báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ theo nguyên tắc như sau:

- Chứng chỉ tiền gửi và tiền gửi có kỳ hạn trên ba (3) tháng được ghi nhận theo giá trị hợp lý;
- Chứng khoán niêm yết, chưa niêm yết và các tài sản khác được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các tài sản này.

Lợi nhuận thuần nhận được từ các khoản đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập giữa niên độ.

Các khoản lãi lũy kế chưa thanh toán của các khoản tiền gửi, tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu và các công cụ nợ khác được ghi nhận tại khoản mục *"Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư"* trên báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ.

Định giá lại cho mục đích tính toán giá trị tài sản ròng của Quỹ

Các khoản đầu tư được đánh giá lại vào các ngày định giá theo giá trị hợp lý. Phương pháp đánh giá lại các khoản đầu tư được quy định trong Sổ tay Định giá được xây dựng phù hợp với phương pháp xác định giá trị tài sản quy định tại Điều lệ Quỹ và Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và được Ban Đại diện Quỹ và Ngân hàng Giám sát phê duyệt. Các khoản lãi hoặc lỗ do đánh giá lại khoản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập giữa niên độ theo quy định tại Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.4 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Nguyên tắc định giá

STT	*Loại tài sản*	*Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường*
Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ		
1.	Tiền (VNĐ)	Số dư tiền mặt tại ngày trước Ngày Định Giá.
2.	Ngoại tệ	Giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá hiện hành tại các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối tại ngày trước Ngày Định Giá.
3.	Tiền gửi kỳ hạn	Tiền gốc cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước Ngày Định Giá.
4.	Tín phiếu kho bạc, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng và các công cụ thị trường tiền tệ khác	Giá mua cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước Ngày Định Giá.
5.	Các công cụ không trả lãi bao gồm tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các công cụ không trả lãi khác	Giá thị trường là giá yết trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán; trường hợp không có giá yết thì mức giá được xác định theo mô hình chiết khấu dòng tiền căn cứ vào lãi suất trúng thầu hoặc một lãi suất khác do Ban Đại Diện Quỹ quy định và thời gian nắm giữ công cụ (được chi tiết trong sổ tay định giá).
Trái phiếu		
6.	Trái phiếu niêm yết	- Giá thị trường là giá yết bình quân gia quyền (giá sạch) trên hệ thống giao dịch (hoặc tên gọi khác tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) của giao dịch thông thường tại ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá cộng lãi lũy kế; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến Ngày Định Giá (không tính bao gồm Ngày Định Giá) hoặc trong các trường hợp khác được chi tiết tại Sổ tay định giá, là một trong các mức giá sau: + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận (được chi tiết trong sổ tay định giá); hoặc + Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc + Mệnh giá cộng lãi lũy kế. Trường hợp trái phiếu hủy niêm yết để làm thủ tục đáo hạn, giá tính theo phương pháp mệnh giá cộng lãi lũy kế

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.4 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Nguyên tắc định giá (tiếp theo)

STT	*Loại tài sản*	*Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường*
Trái phiếu (tiếp theo)		
7.	Trái phiếu không niêm yết	- Giá yết (giá sạch – clean price) (nếu có) trên các hệ thống báo giá cộng lãi luỹ kế tính tới ngày trước Ngày Định Giá; hoặc - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận (được chi tiết trong sổ tay định giá); hoặc - Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc - Mệnh giá cộng lãi lũy kế. Trường hợp trái phiếu chính phủ/trái phiếu chính phủ bảo lãnh/trái phiếu chính quyền địa phương đấu thầu đang chờ niêm yết, giá tính theo phương pháp giá mua cộng lãi lũy kế.
Cổ phiếu		
8.	Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch	- Giá thị trường là giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá. - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến Ngày Định Giá (không tính bao gồm Ngày Định Giá) hoặc không có giao dịch nào từ ngày có quyết định niêm yết đến Ngày Định Giá, là một trong các mức giá sau: + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận (được chi tiết trong sổ tay định giá); hoặc + Giá mua; hoặc + Giá trị sổ sách. Trong thời gian chứng khoán đang làm thủ tục chuyển sàn thì dùng giá của ngày có giao dịch gần nhất trên sàn cũ.
9.	Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch	Là một trong các mức giá sau: - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận (được chi tiết trong sổ tay định giá); hoặc - Giá trị sổ sách; hoặc - Mệnh giá
10.	Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản	Là một trong các mức giá sau: - 80% (tám mươi phần trăm) giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước Ngày Định Giá; hoặc - Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.4 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Nguyên tắc định giá (tiếp theo)

STT	*Loại tài sản*	*Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường*
Cổ phiếu (tiếp theo)		
11.	Cổ phần, phần vốn góp khác	- Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá dựa trên báo giá của 03 tổ chức báo giá không phải là người có liên quan của VCBF. - Trường hợp không có đủ báo giá của ba (03) tổ chức báo giá, sử dụng một trong các phương pháp sau: + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận (được chi tiết trong sổ tay định giá); hoặc + Giá mua/giá trị vốn góp; hoặc + Giá trị sổ sách.
12.	Quyền mua cổ phiếu	Giá trị quyền mua = Max {0; (Giá cổ phiếu - Giá phát hành cổ phiếu mới) x tỷ lệ thực hiện quyền} Trong đó: Tỷ lệ thực hiện quyền = Số cổ phiếu được mua/Số lượng quyền mua sở hữu
Các tài sản khác		
13.	Chứng chỉ quỹ đại chúng niêm yết	- Giá thị trường là giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá. - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến Ngày Định Giá (không tính bao gồm Ngày Định Giá), ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống một trong các mức giá sau: + Giá NAV/đơn vị quỹ của quỹ đại chúng được công bố bởi công ty quản lý quỹ đại chúng đó tại ngày giao dịch chứng chỉ quỹ gần nhất trước Ngày Định Giá; + Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.4 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Nguyên tắc định giá (tiếp theo)

STT	*Loại tài sản*	*Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường*
Các tài sản khác (tiếp theo)		
14.	Chứng chỉ quỹ đại chúng không niêm yết	- Giá thị trường là giá NAV/đơn vị quỹ của quỹ đại chúng được công bố bởi công ty quản lý quỹ đại chúng đó tại ngày giao dịch chứng chỉ quỹ gần nhất trước Ngày Định Giá; - Trong trường hợp không xác định được giá NAV, mức giá được xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.
15.	Các tài sản được phép đầu tư khác	Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá do các tổ chức báo giá cung cấp. Trường hợp không có báo giá thì mức giá được xác định theo phương pháp được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận được nêu chi tiết trong sổ tay định giá.

Chấm dứt ghi nhận

Các khoản đầu tư chứng khoán được chấm dứt ghi nhận khi quyền được nhận luồng tiền từ khoản đầu tư chứng khoán đó đã chấm dứt hoặc Quỹ đã không còn nắm giữ phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán.

Lãi/(lỗ) từ hoạt động bán các khoản đầu tư thể hiện phần chênh lệch giữa giá bán và giá vốn của các khoản đầu tư được tính theo phương pháp bình quân gia quyền tại ngày giao dịch.

3.5 Giá trị tài sản ròng và giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ

Giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày định giá được xác định bằng tổng giá trị các tài sản do Quỹ sở hữu trừ đi tổng nợ phải trả có liên quan (như giá dịch vụ quản lý, giá dịch vụ giám sát, giá dịch vụ lưu ký, giá dịch vụ quản trị quỹ, giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng và các khoản phải trả khác) tính đến ngày trước ngày định giá.

Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ bằng giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá và được làm tròn xuống đến hai (2) số thập phân.

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHỐT KHÁC (tiếp theo)

25.2 *Các hợp đồng then chốt khác* (tiếp theo)

Chi tiết giá dịch vụ và thu nhập phát sinh trong kỳ như sau:

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 VNĐ	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VNĐ*
Giá dịch vụ quản trị quỹ	224.400.000	202.889.723
Giá dịch vụ giám sát	105.979.401	105.600.000
Giá dịch vụ lưu ký - bảo quản tài sản	67.906.546	66.000.000
Giá dịch vụ lưu ký - giao dịch chứng khoán	19.580.000	2.640.000
Lãi từ tiền gửi không kỳ hạn	13.140.242	2.641.805
Phí ngân hàng	6.019.253	1.430.000

Số dư tại thời điểm cuối kỳ như sau:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024 VNĐ	*Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VNĐ*
Tiền gửi thanh toán	37.040.994.628	3.180.493.294
Phải trả dịch vụ giám sát	17.937.905	17.600.000
Phải trả dịch vụ lưu ký - bảo quản tài sản	12.223.443	11.000.000
Phải trả dịch vụ lưu ký - giao dịch chứng khoán	7.260.000	1.100.000
Phải trả dịch vụ quản trị quỹ	37.400.000	37.400.000

26. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ngoài các thông tin đã trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ, không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ.

Bà Lê Vân Trưởng phòng Dịch vụ Quỹ và Danh mục	Bà Nguyễn Thị Hằng Nga Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Minh Hằng Người lập biểu	Bà Trần Thị Hà Linh Kế toán Trưởng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2024